TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 5 năm 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Khưu Liên Dung**

Bà **Dư Thị Út**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Như** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 555/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Hồng T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số D, Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Kim C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số D, Khóm C, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông Lê Kim C tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1982, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới tại xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Sau đó về xã Đ, huyện Đ khoảng 04 năm, sau đó về thành phố B ở đến

nay. Trong quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 ông C lên thành phố Hồ Chí Minh nuôi con học cao đẳng chưa được 01 năm thì bỏ đi, đến cuối năm 2022 mới về nhà. Khi về nhà thì vợ chồng thường xuyên cự cải do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Lê Thị Thúy K, sinh ngày 08/02/1992 và Lê Công D, sinh ngày 04/8/1995. Con chung hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Kim C vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Hồng T đối với ông Lê Kim C.

Về con chung: Hai con chung hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng, nên không đặt ta xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Kim C, nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông C có nơi cư trú tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy bà Lê Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Kim C đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Hồng T và ông Lê Kim C tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1982, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới tại xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, dù không có đăng ký kết hôn, nhưng bà T và ông C sống chung như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987. Nên hôn nhân giữa bà T và ông C vẫn là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà T xác định trong quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2014 ông C lên thành phố Hồ Chí Minh nuôi con học cao đẳng chưa được 01 năm thì bỏ đi, đến cuối năm 2022 mới về nhà. Khi về nhà thì vợ chồng thường xuyên cự cải do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn.

Ông C không có lời trình bày.

Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông C đều vắng mặt tại các buổi hòa giải. Qua đó cho thấy ông C không có thiện chí hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa bà T và ông C không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông C.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Lê Thị Thúy K, sinh ngày 08/02/1992 và Lê Công D, sinh ngày 04/8/1995. Con chung hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường, bà T không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông C không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Bà T xác định trong quá trình chung sống, bà và ông C không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông C không có ý kiến trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Hồng T đối với ông Lê Kim C. Bà Lê Hồng T được ly hôn với ông Lê Kim C.

2. Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Lê Thị Thúy K, sinh ngày 08/02/1992 và Lê Công D, sinh ngày 04/8/1995. Con chung hiện đã trưởng thành, phát triển bình thường, không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Lê Hồng T phải chịu 300.000 đồng. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số

0002269 ngày 25/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

đã ký

Lê Hồng Lam